

Phiên thứ sáu, ngày 20 tháng 11 năm 2020

VNINDEX:	990
Giá trị: 9,546.614 tỷ	6.74(0.69%)
Khối ngoại(ròng):	112.54 tỷ
HNX-INDEX:	147.21
Giá trị: 1,096.239 tỷ	0.36(0.25%)
Khối ngoại(ròng):	-27.89 tỷ
UPCOM-INDEX:	66.43
Giá trị: 940.407 tỷ	0.38(0.58%)
Khối ngoại(ròng):	-25.15 tỷ

Thông số vĩ mô:

	Giá trị	%
Giá dầu	41.7	-0.1
Giá vàng	1,868	0.07
Tỷ giá USD/VND	23,180	0.05
Tỷ giá EUR/VND	27,517	0.32
Tỷ giá JPY/VND	22,320	-0.04
LS liên ngân hàng 1 tháng	0.3	1.5
LS TPCP 5 năm	1.2	-5.77

(Nguồn: Bloomberg)

Top giao dịch khối ngoại (Tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VJC	59.3	MSN	-58.3
VNM	58.6	CTG	-47.6
GEX	58	HDB	-27
VCB	55.9	CII	-26.8
FUEVFN	23.7	VHM	-26.4

THỊ TRƯỜNG TUẦN QUA

Thị trường tiếp tục có một tuần giao dịch lạc quan cả về điểm số và thanh khoản. Đồng thời, khối ngoại cũng đã quay trở lại mua ròng. Các chỉ số thị trường biến động tích cực trong tuần qua. VN-Index kết thúc tuần tăng 2.45% đạt mức 990 điểm; HNX-Index đóng cửa tuần tăng 1.71% dừng tại 147.21 điểm. Thanh khoản trung bình trên cả hai sàn biến động cùng chiều trong tuần qua. Khối lượng khớp lệnh trung bình trên sàn HOSE đạt gần 446 triệu cổ phiếu/phiên, tăng 18.21% so với tuần giao dịch trước. Sàn HNX đạt trung bình hơn 60 triệu cổ phiếu/phiên, tăng 11.3%. Thị trường giảm điểm mạnh ngay phiên giao dịch đầu tuần. Tuy nhiên, ở 4 phiên tiếp theo VN-Index đã lấy lại sự phục hồi và tăng trưởng tích cực. Ba đại diện tác động tích cực nhất lên VN-Index tuần qua là VCB, GAS và HPG. Cả ba đóng góp đến gần 14 điểm tăng cho chỉ số. Ngược lại, VIC, MSN, BCM là những cổ phiếu tác động tiêu cực lên thị trường. Điểm nhấn trong tuần không thể không nhắc đến nhóm vật liệu xây dựng. Đa số các cổ phiếu đại diện trong ngành đều tăng giá tốt như HPG, HSG, NKG, POM, HT1, VIS. Trong đó, ba mã POM, NKG và VIS đều có nhiều phiên tăng trần ấn tượng. Tuần qua cũng đánh dấu một tuần giao dịch khá tích cực đối với nhóm sản xuất nhựa - hóa chất. Hầu hết các cổ phiếu trong ngành đều kết thúc tuần với mức tăng tốt. Có thể kể đến như AAA tăng 9.33%, HII tăng 4.87%, BMP tăng 8.59%, PHR tăng 5.21%, NTP tăng 3.68%. Trong khi đó, bộ đôi DPM và DCM lại lần lượt giảm 3.37% và 3.16%. Nhóm cổ phiếu bất động sản có diễn biến lạc quan trong tuần qua. Gây ấn tượng nhất là cổ phiếu PDR với mức tăng hết biên độ trong phiên cuối tuần, đồng thời thanh khoản trong phiên này cũng đạt đỉnh lịch sử. Bên cạnh đó là sắc xanh của nhiều mã như VHM, NLG, KDH, DIG, TDH.

Nhà đầu tư nước ngoài: Mua ròng hơn 326 tỷ đồng trên cả hai sàn. Khối ngoại mua ròng gần 400 tỷ đồng trên sàn HOSE và bán ròng gần 74 tỷ đồng trên sàn HNX.

Cập nhật hàng giá cả thị trường hàng hóa 20/11

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	41.74	0.00%	4.00%	4.30%	-23.36%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	44.21	0.02%	3.30%	5.10%	-22.12%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	116.47	0.19%	3.50%	3.30%	-24.64%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1862.82	-0.20%	-1.40%	-3.20%	26.33%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.04	-0.05%	-2.60%	-4.00%	42.62%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1186.25	0.74%	3.30%	10.70%	25.00%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	600.00	0.21%	-0.30%	-5.00%	10.14%		AFX
Sữa	USD /cwt	15.59	0.00%	-12.00%	-16.70%	-9.62%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	218.64	1.35%	-2.90%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	15.28	-1.10%	2.40%	5.10%	11.13%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	123.20	0.28%	9.10%	14.30%	1.27%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	7093.00	0.06%	2.30%	2.80%	21.68%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	600.12	0.41%	3.40%	9.90%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	619.12	0.03%	3.70%	9.30%			
Nhôm	USD/ton	1992.50	-0.28%	3.20%	8.60%	14.91%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	132.44	-0.06%	5.40%	11.50%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	64.30	1.58%	2.40%	5.60%	-15.56%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 1/2021 giảm 14 US cent xuống 44.20 USD/thùng. Dầu Tây Texas Mỹ (WTI) kỳ hạn tháng 12/2020 giảm 8 US cent xuống 41.71 USD/thùng.
- Số người tử vong do COVID-19 ở Mỹ đã vượt 250,000, trong khi số ca nhiễm ở Nhật Bản và Nga mỗi ngày đều tăng mạnh, hôm sau cao hơn hôm trước. Với nỗ lực ngăn chặn đà lây lan này, Thành phố New York đã đóng cửa các trường công lập.
- Trong khi đó, nguồn cung từ Libya dự báo sẽ còn tăng hơn nữa khi Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Libya (NOC) và hãng Total của Pháp đã đàm phán xong kế hoạch nâng cao công suất và sản lượng lên mức cao nhất, theo đó Total sẽ mở rộng đầu tư ở Libya.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.4% xuống 1,863.81 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 giảm 0.7% xuống 1,861.50 USD/ounce.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2021 trên sàn Đại Liên tăng 2.5%. Giá quặng sắt tăng lên mức cao kỷ lục mới trong phiên vừa qua do thị trường lo ngại nguồn cung nguyên liệu sản xuất thép này từ Australia sang Trung Quốc sẽ giảm trong khi nhu cầu thép ở Trung Quốc gia tăng.
- Xuất khẩu quặng sắt Australia sang Trung Quốc trong tuần qua đã giảm xuống chỉ còn 12 triệu tấn, thấp nhất trong vòng hơn 2 tháng.
- Đầu tư bất động sản ở Trung Quốc đã tăng 12.7% trong tháng 10/2020 so với một năm trước, tốc độ nhanh nhất kể từ tháng 7/2018, trong khi doanh số bán bất động sản tính theo diện tích sàn tăng 15.3%, cao nhất trong hơn 3 năm; số nhà khởi công xây dựng tăng 3.5%

Giá cao su

- Hợp đồng cao su tháng 4/2021 trên sàn Osaka tăng 1.3 JPY (0.6%) lên 224.0 JPY (2.2 USD)/kg.

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE giảm 0.17 US cent (1.1%) xuống 15.28 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn London giảm 2.2 USD trong phiên vừa qua, xuống 414.70 USD/tấn. Hoạt động bán chốt lời đang diễn ra sau đợt giá tăng cao gần đây.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2021 tăng 0.35 US cent (0.3%) đạt 1.2320 USD/l. Nguyên nhân do lo ngại bão Iota ở Trung Mỹ - khu vực sản xuất arabica chủ chốt - gây tổn thất cho mùa màng. Dự báo sản lượng của Honduras – một trong những nhà sản xuất cà phê quan trọng – bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Giá cà phê Robusta giao tháng 1/2021 mất gần 1% còn 1,291 USD/tấn.
- Ngày 19/11, giá gạo 5% tấm của Thái Lan tăng lên 475 – 485 USD/tấn, từ mức 470 – 480 USD/tấn cách đây một tuần. Gạo đỏ 5% tấm xuất khẩu của Ấn Độ hiện vững ở 366 – 370 USD/tấn như tuần trước. Giá Gạo 5% tấm của Việt Nam tuần này vững ở 495 – 500 USD/tấn, giữa bối cảnh xuất khẩu sang Philippines và Trung Quốc tăng, trong khi nguồn cung trong nước không còn nhiều vì vụ thu hoạch lúa Thu Đông sắp kết thúc.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	110.8	-1.1%	1.2	2,180	2.9	8,517	13.0	3.3	49.0%	29.0%
PNJ	Bán lẻ	73.6	-0.5%	1.2	720	2.1	4,592	16.0	3.4	48.9%	22.8%
BVH	Bảo hiểm	56.8	-0.2%	1.5	1,833	1.1	1,731	32.8	2.1	28.6%	7.1%
PVI	Bảo hiểm	29.3	-2.0%	0.3	285	0.0	2,729	10.7	1.0	54.4%	9.1%
VIC	Bất động sản	103.8	-0.2%	0.8	15,265	2.4	2,660	39.0	4.1	13.9%	11.0%
VRE	Bất động sản	27.7	-0.9%	1.1	2,732	5.5	1,001	27.6	2.2	30.3%	8.1%
VHM	Bất động sản	78.5	1.3%	1.2	11,227	9.2	6,895	11.4	3.4	21.9%	35.4%
DXG	Bất động sản	14.3	1.1%	1.4	321	3.2	(151)		1.1	35.8%	-1.3%
SSI	Chứng khoán	18.2	-1.4%	1.3	476	4.8	1,834	9.9	1.2	48.4%	11.5%
VCI	Chứng khoán	40.7	-0.2%	1.0	293	1.9	3,770	10.8	1.7	26.2%	15.9%
HCM	Chứng khoán	23.4	0.4%	1.6	310	2.6	1,705	13.7	1.6	48.5%	11.8%
FPT	Công nghệ	55.2	0.2%	0.8	1,881	4.4	4,236	13.0	2.9	49.0%	23.1%
FOX	Công nghệ	52.0	0.8%	0.4	619	0.0	4,812	10.8	2.7	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	81.8	-0.4%	1.4	6,807	4.3	4,752	17.2	3.3	3.0%	19.7%
PLX	Dầu khí	50.6	-0.2%	1.5	2,681	1.6	682	74.2	3.0	15.9%	4.3%
PVS	Dầu khí	14.8	0.7%	1.5	308	3.5	1,621	9.1	0.6	10.5%	6.3%
BSR	Dầu khí	7.3	-2.7%	0.8	984	1.0	898	8.1	0.7	41.1%	8.5%
DHG	Dược	102.6	-0.3%	0.5	583	0.0	5,405	19.0	4.0	54.8%	21.7%
DPM	Hóa chất	17.2	-0.6%	0.4	293	1.8	2,011	8.6	0.8	12.5%	10.4%
DCM	Hóa chất	12.3	-1.2%	0.5	282	1.6	872	14.0	1.0	3.7%	7.4%
VCB	Ngân hàng	92.5	2.5%	1.1	14,916	4.9	4,630	20.0	3.7	23.6%	19.7%
BID	Ngân hàng	41.2	2.0%	1.3	7,205	4.5	2,126	19.4	2.1	17.3%	12.5%
CTG	Ngân hàng	33.2	-0.3%	1.2	5,375	10.4	2,948	11.3	1.5	29.0%	14.0%
VPB	Ngân hàng	25.5	0.0%	1.2	2,703	5.8	4,111	6.2	1.3	23.0%	22.2%
MBB	Ngân hàng	19.3	-1.0%	1.1	2,327	6.0	2,995	6.4	1.2	23.0%	20.0%
ACB	Ngân hàng	27.3	0.4%	0.9	2,566	11.3	3,109	8.8	1.8	30.0%	23.0%
BMP	Nhựa	59.4	2.1%	0.8	211	1.1	6,186	9.6	2.1	80.9%	20.7%

NTP	Nhựa	33.8	0.9%	0.4	173	0.1	3,820	8.8	1.5	19.0%	17.5%
MSR	Tài nguyên	16.3	0.6%	0.4	701	0.1	356	45.8	1.3	1.6%	2.9%
HPG	Thép	35.7	1.4%	1.2	5,143	27.9	3,241	11.0	2.2	33.2%	21.3%
HSG	Thép	18.4	-2.1%	1.6	355	12.8	2,591	7.1	1.2	11.3%	19.1%
VNM	Tiêu dùng	110.9	1.1%	0.8	10,076	13.4	4,784	23.2	7.9	57.9%	35.3%
SAB	Tiêu dùng	192.0	-0.9%	0.8	5,353	1.3	6,312	30.4	6.2	63.1%	22.6%
MSN	Tiêu dùng	82.0	0.0%	1.0	4,188	4.2	2,067	39.7	4.7	33.8%	8.9%
SBT	Tiêu dùng	17.5	1.4%	0.9	446	3.3	702	24.9	1.5	6.1%	5.5%
ACV	Vận tải	73.9	2.5%	0.8	6,995	1.1	3,450	21.4	4.4	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	118.9	4.6%	1.1	2,708	4.2	(1,528)		4.5	18.0%	-5.6%
HVN	Vận tải	27.2	0.7%	1.7	1,677	1.1	(7,345)		5.7	9.2%	-83.7%
GMD	Vận tải	26.9	0.0%	0.9	347	1.5	1,179	22.8	1.4	49.0%	5.8%
PVT	Vận tải	15.1	-0.3%	1.2	185	1.5	1,966	7.7	0.9	16.9%	12.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	79.4	0.3%	1.0	536	0.8	8,260	9.6	3.3	2.9%	39.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	24.8	6.9%	0.7	483	1.2	1,411	17.6	1.8	7.6%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.4	0.0%	0.9	288	1.0	1,762	9.8	1.2	5.9%	11.9%
CTD	Xây dựng	61.2	-1.0%	1.0	203	2.4	7,504	8.2	0.6	46.0%	6.9%
CI	Xây dựng	17.0	0.0%	0.3	177	1.7	114	148.9	0.8	30.6%	0.5%
REE	Điện	44.5	1.4%	-1.4	600	0.6	4,599	9.7	1.3	49.0%	13.7%
PC1	Điện	25.8	0.4%	-0.4	179	0.3	2,689	9.6	1.1	14.0%	11.8%
POW	Điện	9.9	0.3%	0.6	1,006	2.3	679	14.5	0.8	9.4%	5.8%
NT2	Điện	23.0	0.0%	0.6	288	0.1	2,103	10.9	1.6	19.4%	14.6%
KBC	Khu công nghiệp	15.5	3.7%	0.8	317	1.7	879	17.6	0.8	17.9%	4.4%
BCM	Khu công nghiệp	38.2	0%	1.0	1,719	0.1			2.6	1.8%	

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG:

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VNINDEX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	92.5	2.55	2.36	1.23MLN
VHM	78.5	1.29	0.93	2.69MLN
BID	41.2	1.98	0.89	2.52MLN
VJC	118.9	4.57	0.78	829,730
VNM	110.9	1.09	0.7	2.8MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX -index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	27.3	0.37	0.2	9.59MLN
IDV	58	9.02	0.04	78500
NVB	8.7	1.16	0.04	3.08MLN
HUT	2.7	3.85	0.03	6.36MLN
VCG	41.2	0.24	0.02	4.08MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VNINDEX

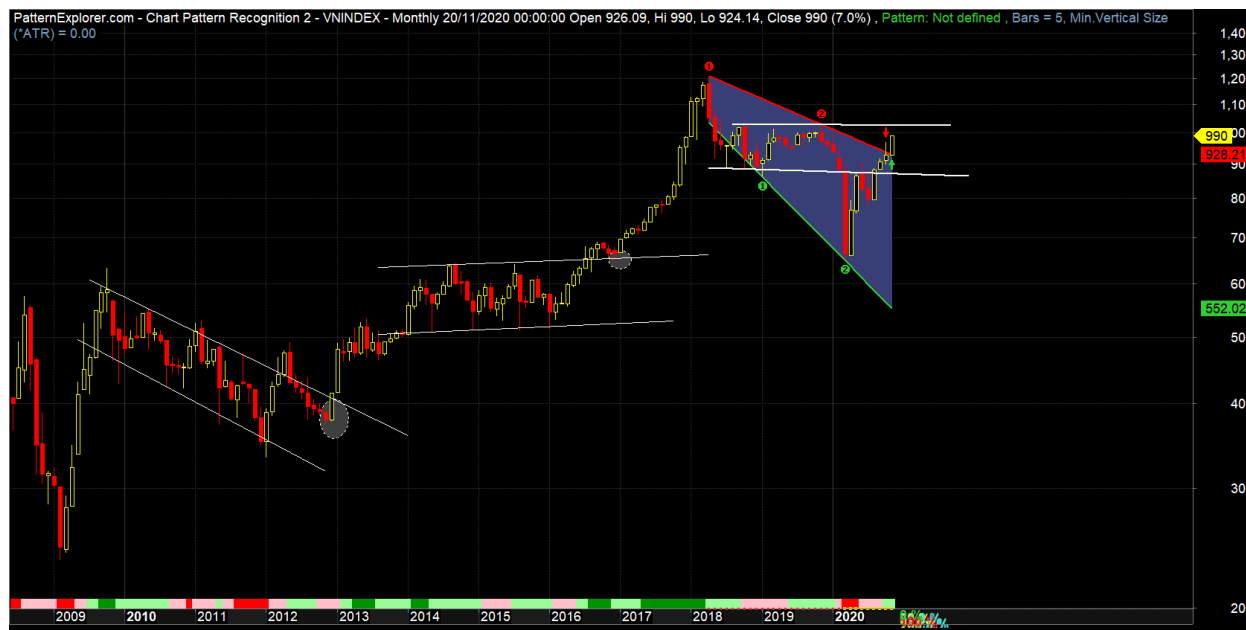
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	19	-1.55	-0.33	2.79MLN
SAB	192	-0.9	-0.3	152,640
VIC	103.8	-0.2	-0.19	533,840
VRE	27.65	-0.9	-0.16	4.55MLN
GAS	81.8	-0.4	-0.16	1.21MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVS	14.8	-5.73	-0.21	5.48MLN
OCH	7.1	-5.33	-0.04	10,000
IDC	27.5	-1.79	-0.03	463,200
PVI	29.3	-2.01	-0.02	22,300
L14	53.5	-1.47	-0.01	44,800

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT:

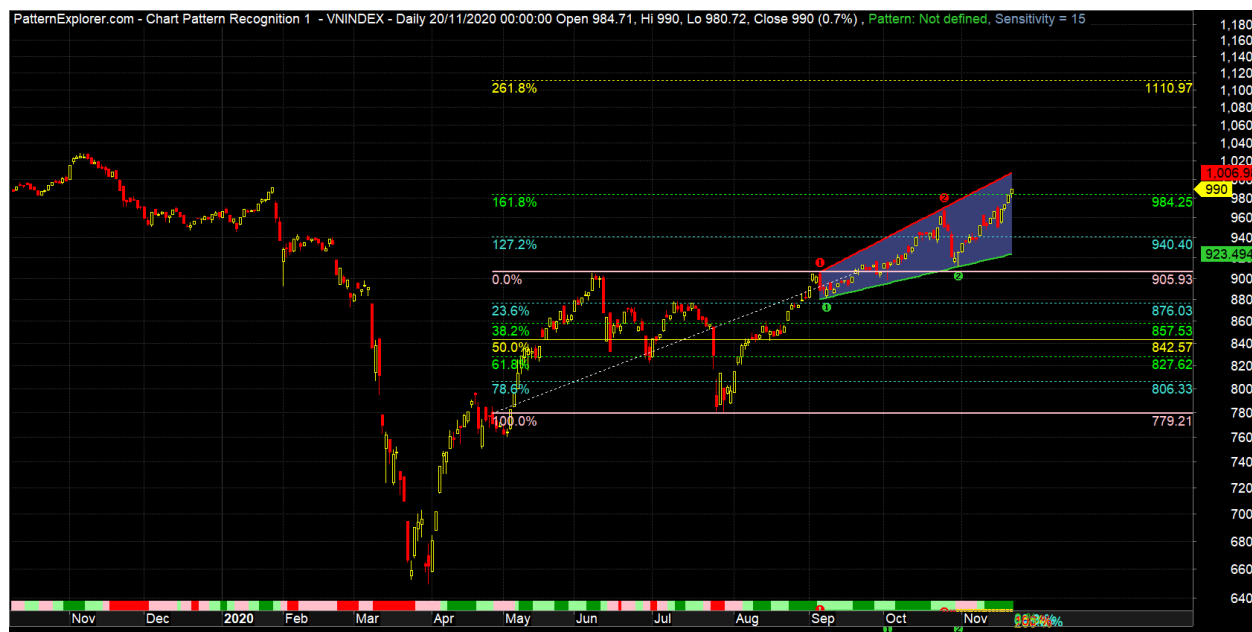
Trên đồ thị tháng, VNINDEX vẫn duy trì trạng thái tích cực khi chỉ số đã vượt lên giảm giá dài hạn trước đó ở vùng 930. Khả năng chỉ số sẽ tiến về vùng 1023 được thiết lập tháng 11/2019.



Trên đồ thị tuần, VNINDEX tiếp tục có tuần tăng điểm tích cực sau khi vượt kháng cự trendline trung hạn. Chỉ số đang tiếp cận lại đỉnh cũ 993 và kháng cự rất mạnh vùng 1020-1030.



Trên đồ thị ngắn hạn, VNINDEX đang ở quanh khu vực fibo 161.8% và chỉ số sức mạnh RSI đang ở vùng quá mua và thể hiện sự phân kỳ âm cảnh báo sự tăng điểm không còn chắc chắn.



DỰ BÁO TUẦN 23/11 – 27/11:

Dịch bệnh vẫn chưa có dấu hiệu yếu đi đặc biệt là ở Mỹ và các nước châu Âu. Sự đóng cửa trở lại nền kinh tế sẽ mau chóng được thiết lập. Vacxin đã có những thành tựu đáng mừng, mở ra tia hy vọng cho nhân loại và sẽ được thử nghiệm trên diện rộng tại Mỹ vào tháng 12 tới.

Trong nước, dịch bệnh đã được kiểm soát và không còn đáng lo ngại. Cuộc đua nước rút thoát vốn các doanh nghiệp vốn nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh. Chính sách hỗ trợ giải cứu các doanh nghiệp lớn của chính phủ được kích hoạt. Báo cáo danh nghiệp đang dần bước vào kỳ giai đoạn ước tính con số thực hiện kế hoạch năm.

Tuần cuối tháng sẽ chứng kiến sự chốt NAV của các quỹ và khối tự doanh. Dự báo thị trường sẽ biến động mạnh vào những phiên cuối tuần.

BỘ LỘC CỔ PHIẾU TUẦN QUA:

STT	CK	Thời gian	GIÁ(CLOSE)	KHỐI LƯỢNG
1	VCS	19/11	79.2	858,800
2	DAG	19/11	6.75	690,410
3	DBC	20/11	44	4,085,900
4	DLG	20/11	1.35	4,131,650
5	DST	17/11	3.7	1,907,600
6	ELC	19/11	6.92	783,360
7	FIT	20/11	8.44	910,860
8	GAS	17/11	75.5	2,192,600
9	HHS	19/11	4.9	4,435,380
10	HQC	20/11	1.7	15,308,460
11	HUT	19/11	2.6	6,006,000

12	OIL	18/11	8.4	676,600
13	PDR	20/11	41.95	3,721,350
14	PLX	19/11	50.7	1,877,310
15	POW	19/11	9.85	6,105,850
16	QCG	20/11	6.04	394,450
17	SJF	20/11	2.12	1,488,190
18	SKG	18/11	10.2	1,106,070
19	VGT	18/11	9.3	1,408,200
20	TCH	18/11	18.85	5,918,250
21	TIG	17/11	6	1,911,300
22	VCB	19/11	90.2	2,584,440

Chú ý: Dòng tiền chủ yếu tập trung vào dòng midcap, penny

Hành động:

- Nhà đầu tư ngắn hạn: Có thể tranh thủ cơ cấu danh mục dài ngân T+(*chi tiết xin liên hệ 024 3573 0200 - máy lẻ 808*)
- Nhà đầu tư trung hạn: Dài ngân trở lại các mã ngành xuất khẩu, đầu tư công và công nghệ.

Báo cáo này được thực hiện bởi đội ngũ chuyên gia phân tích của công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương – APEC, bài viết chỉ có giá trị tham khảo, APEC không chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với việc sử dụng tài liệu này



Phát hành bởi: Phòng phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương – APEC

Chuyên viên phân tích: Nguyễn Xuân Đức

Hội sở chính:

Địa chỉ: Tầng 3 tòa nhà Grand Plaza, số 117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp Hà Nội

Tel: (84-24) 35730200 ext: 808

Fax: (84-24) 35771966

Email: ducnx@apec.com.vn; Website: <http://www.apec.com.vn>